| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 83/2025/HSST
Ngày 09 - 12 - 2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Lâm Phương

Bà Nguyễn Thị Hằng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Minh H - Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1995 tại Quảng Nam; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố D, phường H, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Không ổn định; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh B (*Sinh năm 1972*) và bà Lê Thị Ngọc Á (*Sinh năm 1976*); tiền án: Chưa; tiền sự: Ngày 14 tháng 5 năm 2024, bị Công an quận C (*C), thành phố Đà Nẵng* xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) về hành vi trộm cắp tài sản (*Chưa chấp hành*); bị bắt tạm giam ngày 08 tháng 9 năm 2025, (*Có mặt*).

- *Bị hại:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1986; nơi cư trú: 0 M, phường T, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Ngô Văn N, sinh năm 1953; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

+ Ông Huỳnh Tấn P1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn P, xã H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý* do).

+ Anh Ngô Trần Đức H1, sinh năm 2006; nơi cư trú: K B, phường N, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 08 tháng 5 năm 2025 đến ngày 11 tháng 5 năm 2025, Trần Minh H đã rủ Ngô Trần Đức H1 cùng nhau 04 (*Bốn*) lần đi trộm cắp tài sản trên địa bàn phường H, thành phố Đà Nẵng. Cụ thể:

Lần 01: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 08 tháng 5 năm 2025, H điều khiển xe mô tô BKS 92F1-7572 chở H1 đến khu vực đất trống, cạnh nhà số A T, phường H. H1 đứng ngoài cảnh giới, H vào mở bạt và trộm cắp 02 (*Hai*) trụ chân bàn bằng kim loại dùng để tổ chức sự kiện của ông Trần Thanh P. Sau đó, cả hai chở đến thôn Đ, phường H bán cho ông Ngô Văn N với giá 110.000 đồng (*Một trăm mười ngàn đồng*). H và H1 chia nhau tiêu xài hết số tiền trên. Tài sản đã thu hồi.

Lần 02: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 09 tháng 5 năm 2025, H điều khiển xe mô tô trên chở H1 đến địa chỉ trên, trộm cắp 02 (*Hai*) trụ chân bàn bằng kim loại của ông P; sau đó đem đến bán cho ông Ngô Văn N giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng). H và H1 chia nhau tiêu xài hết số tiền trên. Tài sản đã thu hồi.

Lần 03: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 10 tháng 5 năm 2025, H điều khiển xe mô tô trên chở H1 đến địa chỉ trên, trộm cắp 05 (*Năm*) khung sắt bằng kim loại của ông P; sau đó đem đến bán cho ông N giá 120.000 đồng (*Một trăm hai mươi ngàn đồng*). H và H1 chia nhau tiêu xài hết số tiền trên. Tài sản đã thu hồi.

Lần 04: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 11 tháng 5 năm 2025, H điều khiển xe mô tô trên chở H1 đến địa chỉ trên, trộm cắp 02 (*Hai*) khung sắt bằng kim loại của ông P. Khi đang trên đường đi tiêu thụ tài sản, đến khu vực ngã tư đường Đ - V, phường H thì bị Lực lượng tuần tra 8394 phường H thấy nghi vấn nên mời về làm việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Đ thì: 06 trụ chân bàn bằng kim loại có trị giá 367.582 đồng, 05 khung kim loại có trị giá 101.137 đồng; tổng cộng là 468.719 đồng (*Bốn trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm mười chín đồng*).

* Vật chứng tạm giữ:

- 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu VYEM, biển số 92F1 - 7572, số khung: RNKWCH 5UM5X153372, số máy: VLFIP52FMJ-350153372, dung tích xi lanh 107cm$^3$.

- 02 (*Hai*) khung sắt bàn quầy Bar màu đen, cao 01 mét, trụ chân bàn phi 12cm, đế chân bàn rộng 20cm; 04 (*Bốn*) trụ chân bàn bằng kim loại cao khoảng 01m, trụ tròn khoảng 12cm, đế chân bàn rộng khoảng 20cm; 05 (*Năm*) khung kim loại (*Dùng làm bảng chỉ dẫn trong quảng cáo*), cao khoảng 01m, có diện 58cm x 80cm.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại - ông Trần Thanh P đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Minh H để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều

173, các điểm i, h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 06 (*S*) đến 09 (*Chín*) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập. Về xử lý vật chứng: Không có.

Bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm và không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Nhận thức hành vi của bản thân là sai, hứa không tiếp tục vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài, từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 5 năm 2025, tại khu vực đất trống, cạnh nhà số A T, phường H, thành phố Đà Nẵng, Trần Minh H và Ngô Trần Đức H1 đã 04 lần trộm cắp 06 trụ chân bàn bằng kim loại và 05 khung kim loại trị giá 468.719 đồng của ông Trần Thanh P.

Bị cáo H đã bị Công an quận C (*C), thành phố Đà Nẵng* xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 111/QĐ-CPHC ngày 14 tháng 5 năm 2024. Bị cáo H chưa chấp hành quyết định, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nhưng tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 468.719 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo H đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp đêm khuya, lợi dụng tài sản không có người trông coi. Sau khi hành vi vi phạm bị phát hiện, bị cáo không cư trú tại địa phương, lẩn tránh việc điều tra. Hội đồng xét xử cần thiết xử mức án nghiêm, cách ly khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Sau khi được gia đình vận động về làm việc với cơ quan điều tra và và tại phiên tòa, bị cáo đã ăn năn hối cải nên thành khẩn khai báo, ân hận với lỗi lầm, hứa không tiếp tục vi phạm pháp luật. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đề nghị là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu VYEM, biển số 92F1 - 7572, số khung: RNKWCH 5UM5X153372, số máy: VLFIP52FMJ-350153372, dung tích xi lanh 107cm$^3$ đứng tên sở hữu là ông Huỳnh Tấn P1. Ông P1 đã bán xe lại cho người phụ nữ (*Không rõ lai lịch*) từ cuối năm 2015. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu, người sử dụng, quản lý hợp pháp nhưng chưa xác định được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục điều tra, xử lý sau.

- Đối với 02 (*Hai*) khung sắt bàn quầy Bar màu đen, cao 01 mét, trụ chân bàn phi 12cm, đế chân bàn rộng 20cm; 04 (*Bốn*) trụ chân bàn bằng kim loại cao khoảng 01m, trụ tròn khoảng 12cm, đế chân bàn rộng khoảng 20cm; 05 (*Năm*) khung kim loại (*Dùng làm bảng chỉ dẫn trong quảng cáo*), cao khoảng 01m, có diện tích 58cm x 80cm đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ trả lại cho bị hại - ông Trần Thanh P nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Trong vụ án, Ngô Trần Đức H1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 468.719 đồng và chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Công an thành phố Đ đã xử phạt hành chính đối với H1 số tiền 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) là đúng quy định.

Đối với ông Ngô Văn N đã có hành vi mua tài sản do Trần Minh H bán. Ông N không biết đây là tài sản do phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không đề cập xử lý ông N là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm i, h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Trần Minh H 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2025.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Công an TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Năng;
- Phân trại tạm giam Hoà Khánh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Phân Trại tạm giam khu vực Hải Châu;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

*Nơi nhận:*
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA. quận Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TP.Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ Công an quận Liên Chiểu;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU**
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 29 tháng 9 năm 2020
Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thanh T
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thanh B1
Ông Trịnh Văn B2

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2020/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Hoàng B3 - sinh ngày 12 tháng 8 năm 2000 tại Quảng Nam

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*
*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đúng quy trình tố tụng nên đảm bảo tính hợp pháp.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

3. Có căn cứ kết tội bị cáo Lê Hoàng B3 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Điều luật áp dụng: Điều 47, điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

4. Về mức hình phạt:

- Xử phạt Lê Hoàng B3 01 (Một) năm 03 (*Ba*) tháng tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 5 năm 2020.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

5. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

6. - Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Về xử lý vật chứng: Tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì số 1181/C09C (Đ4) bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng; 01 thẻ sim có số thuê bao 0978.412.541.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu HuaWei màu trắng; 01 xe mô tô hiệu Honda SH màu xám, BKS 92D1-491.18; 01 giấy đăng ký xe mang tên Lê Hoàng B3.

+ Tiếp tục quy trữ số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*) của Lê Hoàng B3 để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo B3 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Hoàng B3.

(*Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 9 năm 2020*)

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

7. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

Nghị án kết thúc nghị án lúc 14 giờ 40 phút, ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## BÁO CÁO XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ
**(Xử ngày 14 tháng 7 năm 2020)**

**1.** Bị cáo Nguyễn Văn H2 - Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1989 tại Hà Tĩnh; nơi ĐKNKTT: Xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S **(***Sinh năm 1972*) và bà Lê Thị M (*Đã chết*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21 tháng 12 năm 2011 bị UBND tỉnh H ra quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 18 tháng; bị bắt truy nã ngày 25 tháng 4 năm 2020, tạm giữ ngày 26 tháng 4 năm 2020, tạm giam ngày 29 tháng 4 năm 2020, (*Có mặt*).

**2. Nội dung vụ án:** Do là bạn bè quen biết nên vào đầu tháng 4 năm 2016, Nguyễn Văn H2 liên lạc với Lê Việt C để xin ở nhờ phòng trọ của C tại G T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiêm, do sống cùng với vợ là chị Võ Thị Cẩm H3 nên C nhờ bạn ở cùng dãy trọ là Hà Xuân V cho ngủ lại

đêm, còn sinh hoạt, ăn uống vẫn ở phòng của vợ chồng C. Khoảng 6 giờ 00 phút ngày 13 tháng 4năm 2016, trước khi đi làm, vợ chồng C để lại chìa khóa phòng cho V và H2. Sau đó, V cũng đi làm nên để chìa khóa lại cho H2. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H2 dùng chìa khóa này mở của phòng của vợ chồng C, nhìn thấy cây đàn Organ nhãn hiệu Yamaha model S950 màu đen nên nảy sinh ý định trộm cắp. H2 lấy trộm cây đàn và gọi xe taxi đem đến tiệm C1 tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng tự xưng mình là Nguyễn Thanh T1 và viết giấy bán cho ông S1 với giá 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*). Sau khi bán cây đàn, H2 đón xe về quê ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh và nhắn vào điện thoại của chị H3 với nội dung: "*Tau cầm cây đàn trên quán cho thuê dàn nhạc Văn T2 11 triệu rôi, đi trung về cuối năm t trả lại cho mi*". Tuy nhiên, sau đó, H2 bỏ trốn đi làm ở nhiều địa phương khác nhau và không liên lạc với C.

Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 05.5.2016 trị giá của cây đàn Organ nhãn hiệu Yamaha màu đen model PSR-S950 là 27.200.000đ (*Hai mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng*).

Vật chứng thu giữ: 01 (*Một*) cây đàn Organ nhãn hiệu Yamaha màu đen model PSR-S950 (*Đã trả lại cho chủ sở hữu*).

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường. Quá trình điều tra và truy tố, ông Thái Văn S1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên, tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông S1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên.

## QUAN ĐIỂM CỦA THẨM PHÁN

1. Tội danh:

Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

**2.** Tình tiết tăng nặng: Không

**3.** Tình tiết giảm nhẹ: các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**4.** Đề xuất: Xử phạt 9 -12 tháng tù.

**Người báo cáo**